TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ N
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 9 - 2017
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phương Trang;

2. Bà Ngô Thị Diễm Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 27 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1975;

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã H, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

- *Bị đơn:* Nguyễn Văn M, sinh năm 1979;

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã H, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 9 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

Về hôn nhân: Ngày 09 tháng 6 năm 1996, chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Văn M có tổ chức đám cưới, chung sống với nhau, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau đám cưới chị T và anh M chung sống rất hạnh phúc và có với nhau 03 người con chung tên là Nguyễn Hồng D, sinh ngày 09 tháng 3 năm 1997 (đã thành niên và có vợ, sống riêng tư), Nguyễn Hồng L, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2000 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2004.

Từ khi anh, chị có với nhau 03 người con thì chị và anh M bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, không còn hòa hợp như trước. Bản thân chị thì làm ăn, chăm lo gia

đình, ngược lại anh M chỉ lo ăn chơi, không chăm lo làm ăn, không làm tròn trách nhiệm với vợ con, chị đã nhiều lần khuyên ngăn và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh M không nghe.

Nay chị Nguyễn Thị Hồng T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị xin ly hôn với anh M.

Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Văn M tự nguyện thỏa thuận: Chị Nguyễn Thị Hồng T được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung tên là Nguyễn Hồng L, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2000 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2004 (Cháu L và cháu N có nguyện vọng và đang sống chung với chị T).

Về cấp dưỡng cho con: Chị Nguyễn Thị Hồng T không yêu cầu anh Nguyễn Văn M thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con, nên anh M không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con.

Chị Nguyễn Thị Hồng T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Văn M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại Tờ tường trình đề ngày 08 tháng 9 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn M trình bày:

Về hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian chung sống vợ chồng, anh chị không có đăng ký kết hôn là đúng. Thời gian gần đây, anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh và chị T bất đồng quan điểm, nên thường xuyên cự cải nhau, ly thân cho đến nay.

Anh và chị T đã nhiều lần gặp mặt để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nay chị T xin ly hôn, anh M thống nhất ly hôn với chị T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng anh tự nguyện thỏa thuận là chị Nguyễn Thị Hồng T được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung tên là Nguyễn Hồng L, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2000 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2004 (Cháu L và cháu N có nguyện vọng và đang sống chung với chị T).

Về cấp dưỡng cho con: Anh Nguyễn Văn M không thống nhất thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Văn M đều khẳng định không yêu cầu, cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng:* Chị Nguyễn Thị Hồng T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn M được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã N thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Văn M đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử được quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về hôn nhân:* Từ năm 1996 cho đến nay, chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Văn M chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng được quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".

[5] Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Hồng T với anh Nguyễn Văn M.

[6] *Về nuôi con chung:* Chị T và anh M tự nguyện thỏa thuận: Chị Nguyễn Thị Hồng T được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung tên là Nguyễn Hồng L, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2000 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2004 (Cháu L và cháu N có nguyện vọng và đang sống chung với chị T) là phù hợp với Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] *Về cấp dưỡng:* Do chị Nguyễn Thị Hồng T không yêu cầu anh Nguyễn Văn M thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Chị Nguyễn Thị Hồng T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Văn M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con là phù hợp với Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[9] *Về tài sản chung:* Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[11] *Về án phí:* Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn". Vậy, chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng; anh Nguyễn Văn M không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II (Danh mục án phí) của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Hồng T với anh Nguyễn Văn M.

Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Văn M là chị Nguyễn Thị Hồng T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung tên là Nguyễn Hồng L, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2000 và Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2004.

(Hiện Nguyễn Hồng L và Nguyễn Thị Hồng N đang sống chung với chị Nguyễn Thị Hồng T).

Chị Nguyễn Thị Hồng T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Văn M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Về cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Hồng T không yêu cầu anh Nguyễn Văn M thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: 14055 ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Đồng Tháp; chị Nguyễn Thị Hồng T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm;

- Anh Nguyễn Văn M không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 27 tháng 9 năm 2017), nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thành Trung